

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thi hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999
của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích Người Việt Nam
ở nước ngoài chuyển tiền về nước**

Thông tư số 02/2000/TT-NHNN7 ngày 24 tháng 02 năm 2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Quyết định số 70/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích Người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2000, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Quyết định số 472/2000/QĐ-NHNN ngày 13 tháng 11 năm 2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Thông tư số 02/2000/TT-NHNN7 ngày 24/02/2000 hướng dẫn thi hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2000;

2. Quyết định số 878/2002/QĐ-NHNN ngày 19 tháng 8 năm 2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Thông tư số 02/2000/TT-NHNN7 ngày 24/02/2000 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2002.

Nhằm khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho Người Việt Nam ở nước ngoài và Người nước ngoài chuyển ngoại tệ về Việt Nam để giúp đỡ gia đình, thân nhân hay vì mục đích từ thiện khác trên cơ sở tôn trọng các quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài, ngày 19/8/1999 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 10 của Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích Người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước, Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện như sau^{1, 2}:

¹ Quyết định số 472/2000/QĐ-NHNN về sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Thông tư số 02/2000/TT-NHNN7 ngày 24/02/2000 hướng dẫn thi hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối,”

I. Quyền của Người thụ hưởng

1. Nhận ngoại tệ hoặc đồng Việt Nam (bằng tiền mặt hoặc bằng chuyển khoản) theo yêu cầu.

2. Trường hợp nhận bằng ngoại tệ, Người thụ hưởng có quyền:

- a) Bán cho các tổ chức tín dụng được phép hoặc các bàn đổi ngoại tệ;
- b) Gửi tiết kiệm ngoại tệ tại các tổ chức tín dụng được phép;
- c) Mở và gửi vào tài khoản tiền gửi ngoại tệ cá nhân tại các tổ chức tín dụng được phép;
- d) Sử dụng ngoại tệ vào các mục đích khác theo các quy định tại Nghị định số 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ về quản lý ngoại hối, Thông tư số 01/1999/TT-NHNN7 ngày 16/4/1999 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định trên và các quy định hiện hành khác có liên quan về quản lý ngoại hối.

3. Người thụ hưởng không phải đóng thuế thu nhập đối với các khoản ngoại tệ nhận được của người gửi tiền.

II. Điều kiện và thủ tục cấp giấy phép làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ

1. Đối với tổ chức tín dụng

a) Tổ chức tín dụng chỉ được phép làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ sau khi đã được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép hoạt động ngoại hối (trong đó có nội dung làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ);

b) Điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng quy định tại Thông tư số 01/1999/TT-NHNN7 ngày 16/4/1999 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ về quản lý ngoại hối và các quy định hiện hành khác có liên quan về quản lý ngoại hối.

² Quyết định số 878/2002/QĐ-NHNN ngày 19 tháng 8 năm 2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Thông tư số 02/2000/TT-NHNN7 ngày 24/02/2000 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật tổ chức tín dụng ngày 12/12/1997;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;

Căn cứ Quyết định số 78/2002/QĐ-TTg ngày 17/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối,”

2. Đối với tổ chức kinh tế

2.1. Điều kiện

- a) Có hợp đồng nguyên tắc với đối tác nước ngoài làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ. Trong hợp đồng phải ghi rõ hình thức nhận và chi trả, tỷ lệ chia lệ phí chuyển tiền thu được giữa tổ chức kinh tế và đối tác nước ngoài (đối với trường hợp tổ chức kinh tế nhận tiền của Người gửi tiền thông qua đối tác nước ngoài);
- b) Có đề án khả thi làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ;
- c) Có mạng lưới chi trả thuận tiện và nhanh chóng cho Người thụ hưởng.

2.2. Thủ tục

Tổ chức kinh tế khi xin cấp giấy phép làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ phải gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) bộ hồ sơ sau:

- a) Đơn xin phép làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ (theo mẫu tại phụ lục I);
- b) Đề án làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ;
- c) Hợp đồng nguyên tắc với đối tác nước ngoài về dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ (đối với trường hợp tổ chức kinh tế nhận tiền của người gửi tiền thông qua đối tác nước ngoài);
- d) Bản sao có công chứng quyết định thành lập tổ chức kinh tế, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư, giấy phép hoạt động;
- e)³ Ý kiến của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cùng địa bàn về việc tổ chức kinh tế làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ;

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) sẽ xem xét cấp giấy phép hoặc từ chối cấp giấy phép, trường hợp từ chối cấp giấy phép phải có văn bản giải thích rõ lý do.

3. Đối với tổ chức kinh tế làm đại lý chi trả cho các tổ chức tín dụng được phép

3.1. Điều kiện

- a) Có hợp đồng nguyên tắc làm đại lý với tổ chức tín dụng được phép;
- b) Có mạng lưới chi trả thuận tiện và nhanh chóng cho Người thụ hưởng.

3.2. Thủ tục

Tổ chức kinh tế khi xin cấp giấy phép làm đại lý chi trả ngoại tệ cho các tổ chức tín dụng được phép phải gửi Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cùng địa bàn bộ hồ sơ sau:

- a) Đơn xin làm đại lý chi trả ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép (theo mẫu tại phụ lục II);

³ Tiết này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 472/2000/QĐ-NHNN về sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Thông tư số 02/2000/TT-NHNN7 ngày 24/02/2000 hướng dẫn thi hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2000.

b) Hợp đồng nguyên tắc làm đại lý với tổ chức tín dụng được phép;

c) Bản sao có công chứng quyết định thành lập tổ chức kinh tế, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư, giấy phép hoạt động;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét cấp giấy phép hoặc từ chối cấp giấy phép, trường hợp từ chối cấp giấy phép phải có văn bản giải thích rõ lý do.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các tổ chức kinh tế đang thực hiện dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ của Người gửi tiền hoặc làm đại lý chi trả ngoại tệ cho các tổ chức tín dụng được phép phải làm thủ tục để xin cấp giấy phép mới theo quy định tại Thông tư này.

Sau thời gian nêu trên, các tổ chức không được cấp giấy phép mới phải đình chỉ ngay hoạt động làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ của Người gửi tiền hoặc phải đình chỉ ngay dịch vụ làm đại lý chi trả ngoại tệ cho các tổ chức tín dụng được phép.

5.⁴ Đối với tổ chức tín dụng làm đại lý cho tổ chức kinh tế được phép làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ

a) Tổ chức tín dụng (bao gồm tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối và tổ chức tín dụng không được phép hoạt động ngoại hối) được làm đại lý chi trả ngoại tệ cho các tổ chức kinh tế được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ trên cơ sở hợp đồng đại lý ký giữa tổ chức kinh tế và tổ chức tín dụng;

b) Nếu tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế có thỏa thuận tổ chức tín dụng ứng tiền để chi trả cho Người thụ hưởng, tổ chức kinh tế phải mở tài khoản ký quỹ tại tổ chức tín dụng làm đại lý. Số tiền ứng trước tối đa bằng số tiền ký quỹ tại tổ chức tín dụng;

c) Tổ chức tín dụng làm đại lý trên cơ sở hợp đồng đại lý ký với tổ chức kinh tế, không phải xin phép Ngân hàng Nhà nước mà chỉ cần thông báo và gửi bản sao hợp đồng đại lý cho Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trên địa bàn trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng đại lý.

6.⁵ Đối với tổ chức tín dụng làm đại lý cho các tổ chức tín dụng được phép làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ

a) Tổ chức tín dụng được làm đại lý chi trả ngoại tệ cho các tổ chức tín dụng được phép làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ trên cơ sở hợp đồng đại lý ký giữa các tổ chức tín dụng làm đại lý và tổ chức tín dụng được phép làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ;

⁴ Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 878/2002/QĐ-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Thông tư số 02/2000/TT-NHNN7 ngày 24/02/2000 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2002.

⁵ Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 878/2002/QĐ-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Thông tư số 02/2000/TT-NHNN7 ngày 24/02/2000 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2002.

b) Tổ chức tín dụng làm đại lý trên cơ sở hợp đồng đại lý ký với tổ chức tín dụng được phép làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, không phải xin phép Ngân hàng Nhà nước mà chỉ cần thông báo và gửi bản sao hợp đồng đại lý cho Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trên địa bàn trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng đại lý.

7.⁶ Tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng làm đại lý chi trả không được ký tiếp hợp đồng đại lý để ủy nhiệm việc chi trả cho tổ chức tín dụng hay tổ chức kinh tế khác.

Tổ chức kinh tế được Ngân hàng Nhà nước cho phép làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ không được ký tiếp hợp đồng đại lý để ủy nhiệm việc chi trả cho tổ chức kinh tế khác.

III. Đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép

Ngân hàng Nhà nước hoặc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tùy theo thẩm quyền cấp giấy phép sẽ đình chỉ có thời hạn hoặc thu hồi giấy phép đối với tổ chức vi phạm một trong các trường hợp sau đây:

1. Các tổ chức bị đình chỉ giấy phép có thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Thường xuyên không thực hiện chế độ báo cáo cho Ngân hàng theo nội dung quy định tại phần VI của Thông tư này;

b) Vi phạm các điều khoản trong hợp đồng ký với đối tác nước ngoài hoặc hợp đồng làm đại lý chi trả ngoại tệ ký với tổ chức tín dụng được phép, bị phía đối tác nước ngoài hoặc tổ chức tín dụng yêu cầu hủy bỏ hợp đồng đã ký;

c) Không thực hiện đúng các quy định trong giấy phép do Ngân hàng cấp.

2. Các tổ chức bị thu hồi giấy phép trong các trường hợp sau:

a) Có chứng cứ là hồ sơ xin giấy phép có những thông tin cố ý làm sai sự thật.

b) Sau thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép, tổ chức không làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ của Người gửi tiền hoặc làm đại lý chi trả ngoại tệ;

c) Tự nguyện hoặc bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền buộc phải giải thể;

d) Chia, sáp nhập, hợp nhất, phá sản.

IV. Lệ phí chuyển tiền

1. Chuyển tiền thông thường qua hệ thống tổ chức tín dụng: Tổ chức tín dụng được phép thu phí dịch vụ chuyển tiền của các tổ chức kinh tế được phép, doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ tài chính bưu chính quốc tế và Người thụ hưởng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phí dịch vụ chuyển tiền của Ngân hàng.

⁶ Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 878/2002/QĐ-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Thông tư số 02/2000/TT-NHNN7 ngày 24/02/2000 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2002.

2. Chuyển tiền thông qua các tổ chức làm dịch vụ chuyển tiền: Các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế được phép, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tài chính bưu chính quốc tế được thoả thuận với đối tác nước ngoài để hưởng phí dịch vụ chuyển tiền, không thu phí trực tiếp từ Người thụ hưởng.

V. Tổ chức tuyên truyền

1. Các đơn vị trực thuộc Ngân hàng Nhà nước làm công tác tuyên truyền báo chí phối hợp với các cơ quan thông tin báo chí, Bộ Ngoại giao, Ủy ban người Việt Nam ở nước ngoài và các Bộ ngành có liên quan để tuyên truyền phổ biến các chính sách của Nhà nước Việt Nam về khuyến khích Người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước.

2. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các cơ quan thông tin báo chí và các Ban ngành trên địa bàn tuyên truyền phổ biến cho mọi tổ chức, cá nhân trên địa bàn hiểu và thực hiện đúng các chính sách của Nhà nước Việt Nam về khuyến khích Người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước.

VI. Chế độ báo cáo

1. Thực hiện Điều 8 Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước đề nghị các Tổng cục, đơn vị liên quan phối hợp thực hiện theo quy định về chế độ báo cáo dưới đây:

a) Tổng cục Hải quan báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) về số liệu và tình hình mang ngoại tệ theo người của cá nhân khi xuất nhập cảnh theo mẫu tại phụ lục III;

b) Tổng công ty Bưu chính Viễn thông và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tài chính, bưu chính quốc tế khác được Tổng cục Bưu điện cấp giấy phép báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) về số liệu, tình hình nhận và chi trả ngoại tệ theo mẫu tại phụ lục IV;

c)⁷ Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) về tình hình làm dịch vụ đại lý chi trả ngoại tệ của các tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng làm đại lý trên địa bàn (theo mẫu tại Phụ lục V).

d)⁸ Tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng được phép làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) về số liệu, tình hình

⁷ Tiết này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 878/2002/QĐ-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Thông tư số 02/2000/TT-NHNN7 ngày 24/02/2000 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2002.

⁸ Tiết này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 878/2002/QĐ-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Thông tư số 02/2000/TT-NHNN7 ngày 24/02/2000 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2002.

nhận và chi trả ngoại tệ (bao gồm cả chi trả qua mạng lưới đại lý) của Người gửi tiền (theo mẫu tại Phụ lục VI).

2.⁹ Hàng quý, chậm nhất vào ngày 5 của tháng đầu quý sau các tổ chức kinh tế, các tổ chức tín dụng làm đại lý chi trả phải báo cáo cho Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn về số liệu và tình hình làm đại lý chi trả ngoại tệ trên địa bàn (theo mẫu tại Phụ lục VII).

3. Hàng quý chậm nhất vào ngày 25 của tháng đầu quý sau, Vụ Quản lý Ngoại hối tổng hợp trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký gửi báo cáo Thủ tướng Chính phủ về số liệu, tình hình chuyển ngoại tệ vào Việt Nam của Người gửi tiền từ nước ngoài và chi trả cho Người thụ hưởng ở trong nước.

VII. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Việc sửa đổi, bổ sung Thông tư này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

2. Quyết định số 48/QĐ-NH7 ngày 23/02/1995 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc Người Việt Nam ở nước ngoài chuyển ngoại tệ về nước hết hiệu lực thi hành.

3.^{10, 11} Chánh văn phòng, Chánh thanh tra, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các Tổ chức tín dụng được phép và các tổ chức kinh tế được phép chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

⁹ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 878/2002/QĐ-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Thông tư số 02/2000/TT-NHNN7 ngày 24/2/2000 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2002.

¹⁰ Điều 2 và Điều 3 của Quyết định số 472/2000/QĐ-NHNN về sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Thông tư số 02/2000/TT-NHNN7 ngày 24/02/2000 hướng dẫn thi hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2000 quy định như sau:

“Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Chánh thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Thủ trưởng các Vụ, Cục có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức kinh tế được phép làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ trong phạm vi chức năng của mình chịu trách nhiệm thi hành thực hiện Quyết định này./.”

¹¹ Điều 3 và Điều 4 của Quyết định số 878/2002/QĐ-NHNN ngày 19 tháng 8 năm 2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Thông tư số 02/2000/TT-NHNN7 ngày 24/02/2000 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2002 quy định như sau:

“Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức kinh tế làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.”

(PHỤ LỤC I)¹²

TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày... tháng... năm...

ĐƠN XIN PHÉP

LÀM DỊCH VỤ NHẬN VÀ CHI TRẢ NGOẠI TỆ
 Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối)

Tên tổ chức kinh tế:.....
 Quyết định thành lập số (nếu có).....
 Cơ quan cấp..... ngày..... tháng..... năm.....
 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....
 Cơ quan cấp..... ngày..... tháng..... năm.....
 Trụ sở chính đóng tại:.....
 Điện thoại:..... số fax:

Căn cứ vào điều kiện được phép làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước quy định, chúng tôi đã ký hợp đồng nguyên tắc với phía đối tác nước ngoài ngày... tháng... năm... (hoặc thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh Công ty tại nước ngoài) để làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ của Người gửi tiền ở nước ngoài tại những địa điểm sau:

1. Địa chỉ (Ghi rõ địa chỉ, Điện thoại, Fax)
- 2.
- 3.

.....
 Đề nghị Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) xem xét cấp giấy phép cho..... (tên tổ chức kinh tế) được làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối của Nhà nước Việt Nam và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hành vi vi phạm của đơn vị./.

Hồ sơ gửi kèm:

- QĐ thành lập (nếu có) và đăng ký kinh doanh;
- Đề án làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ;
- Hợp đồng nguyên tắc với nước ngoài;
- Ý kiến của Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố về việc cho phép làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ;

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)

(Ký tên và đóng dấu)

¹² Phụ lục này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 472/2000/QĐ-NHNN về sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Thông tư số 02/2000/TT-NHNN7 ngày 24/02/2000 hướng dẫn thi hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2000.

(Phụ lục II)

TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____/

..... ngày.... tháng.... năm....

ĐƠN XIN PHÉP
LÀM ĐẠI LÝ CHI TRẢ NGOẠI TỆ CHO TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC PHÉP

Kính gửi: Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh (hoặc thành phố)...

Tên tổ chức kinh tế:.....

Quyết định thành lập số:.....

Cơ quan cấp:..... ngày..... tháng..... năm.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

Cơ quan cấp:..... ngày..... tháng..... năm.....

Trụ sở chính đóng tại:.....

Điện thoại:..... số fax:

Chúng tôi đã ký Hợp đồng đại lý với..... ngày.... tháng... năm....
 để làm đại lý chi trả cho tổ chức tín dụng;

Đề nghị Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố xem xét cấp giấy
 phép cho đơn vị làm đại lý chi trả ngoại tệ cho.....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định hiện hành về quản lý ngoại
 hối của Nhà nước Việt Nam và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hành vi
 vi phạm của đơn vị.

Hồ sơ gửi kèm:

- QĐ thành lập và

đăng ký kinh doanh;

- Hợp đồng nguyên tắc làm đại lý với tổ
 chức tín dụng được phép

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)

(Ký tên và đóng dấu)

(Phụ lục III)**TỔNG CỤC HẢI QUAN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ____/

..... ngày.... tháng.... năm....

BÁO CÁO*(V/v mang ngoại tệ theo người của cá nhân khi xuất nhập cảnh Quý.....
năm 200... từ ngày 01 tháng.... năm 200... đến ngày 01 tháng... năm 200...)***Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối)**

Để thực hiện quy định tại khoản 2, Điều 8 Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích Người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước, Tổng cục Hải quan thông báo việc mang ngoại tệ của cá nhân khi xuất nhập cảnh như sau:

1. Số liệu ngoại tệ của cá nhân mang theo người khi xuất nhập cảnh có kê khai Hải quan

Các tháng trong quý	Số ngoại tệ mang theo người khi nhập cảnh có kê khai hải quan (Quy ra USD)	Số ngoại tệ mang theo người khi xuất cảnh có kê khai Hải quan (Quy ra USD)	Số ngoại tệ mang hộ khi nhập cảnh có kê khai hải quan (Quy ra USD)
Tháng đầu			
Tháng thứ 2			
Tháng thứ 3			
Tổng cộng cả quý			

2. Đánh giá chung về tình hình mang ngoại tệ khi xuất nhập cảnh**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

(Phụ lục IV)

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ____/

..... ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO

(Về việc nhận và chi trả ngoại tệ của doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong ngành bưu chính và viễn thông của Quý... năm 200... từ ngày 01 tháng.... năm 200..)

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối)

1. Tình hình nhận và chi trả ngoại tệ

Tên nước	Tổng số ngoại tệ nhận từ nước ngoài chuyển về (quy ra USD)	Tổng số ngoại tệ chi trả		Ghi chú
		Trả bằng ngoại tệ (quy ra USD)	Trả bằng đồng Việt Nam	
Tổng số				

2. Đánh giá chung về tình hình nhận và chi trả ngoại tệ

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)

(PHỤ LỤC V)¹³

**Tên chi nhánh Ngân hàng
Nhà nước Tỉnh, Thành phố**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ____/

Tỉnh..., (thành phố...) ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO

*(Về tình hình làm dịch vụ đại lý chi trả ngoại tệ của các tổ chức kinh tế,
tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh, thành phố... Quý... năm 200...)*

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối)

1. Số tổ chức tín dụng (tổ chức kinh tế) làm đại lý chi trả

- Tổng tổ chức kinh tế làm đại lý chi trả ngoại tệ vào đầu Quý...năm 200...:
- Tổng tổ chức tín dụng làm đại lý chi trả ngoại tệ vào đầu Quý.... năm 200...:
- Tổng số tổ chức kinh tế được Chi nhánh cấp giấy phép làm đại lý chi trả ngoại tệ cho Tổ chức tín dụng được phép trong Quý..... năm 200...:
- Tổng số tổ chức kinh tế bị Chi nhánh rút giấy phép hoặc đình chỉ làm đại lý chi trả ngoại tệ cho Tổ chức tín dụng được phép trong Quý..... năm 200.....:

2. Tình hình làm đại lý chi trả ngoại tệ

Tên tổ chức tín dụng/ Tổ chức kinh tế	Số tiền nhận chi trả cho tổ chức kinh tế/ tổ chức tín dụng được phép (Quy ra USD)	Chi trả cho Người thụ hưởng		Ghi chú
		Trả bằng ngoại tệ (quy ra USD)	Trả bằng đồng Việt Nam	
1. Tổ chức tín dụng/ Tổ chức kinh tế (A)				
2. Tổ chức tín dụng/ Tổ chức kinh tế (B)				
Tổng số				

3. Đánh giá, kiến nghị về tình hình nhận và chi trả ngoại tệ

Giám đốc

¹³ Phụ lục này được sửa đổi theo quy định tại Điều 2 của Quyết định số 878/2002/QĐ-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Thông tư số 02/2000/TT-NHNN7 ngày 24/2/2000 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2002.

(Phụ lục VI)

Tên Tổ chức tín dụng hoặc CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Tổ chức kinh tế được phép Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ____/

..... ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH
(LÀM DỊCH VỤ NHẬN VÀ CHI TRẢ NGOẠI TỆ CỦA QUÝ.../200...)

1. Tình hình nhận và chi trả ngoại tệ

Tên nước chuyển tiền về Việt Nam	Tổng số ngoại tệ nhận từ nước ngoài quy ra USD	Chi trả cho Người thụ hưởng		Ghi chú
		Trả bằng ngoại tệ (quy ra USD)	Trả bằng đồng Việt Nam	
Tổng số				

2. Tình hình ủy nhiệm đại lý (đối với tổ chức tín dụng được phép)

a) Tổng số tổ chức kinh tế làm dịch vụ đại lý chi trả ngoại tệ cho tổ chức tín dụng đầu quý;

b) Tổng số tổ chức kinh tế làm dịch vụ đại lý chi trả ngoại tệ cho tổ chức tín dụng phát sinh trong quý;

c) Tổng số tổ chức kinh tế làm đại lý chi trả ngoại tệ cho tổ chức tín dụng hủy bỏ hợp đồng đại lý chi trả ngoại tệ trong quý;

d) Số tiền quy ra USD ủy nhiệm cho Tổ chức kinh tế chi trả.

3. Đánh giá, kiến nghị về tình hình nhận và chi trả ngoại tệ

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)

(PHỤ LỤC VII)¹⁴

Tên TCTD, TCKT
làm đại lý.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ____/

..... ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO

(V/v làm đại lý chi trả ngoại tệ Quý.. năm 200...)

Kính gửi: Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố.....

Tên tổ chức kinh tế/ Tổ chức tín dụng được phép ủy quyền	Số tiền nhận từ tổ chức kinh tế/tổ chức tín dụng được phép (quy ra USD)	Chi trả cho Người thụ hưởng		Ghi chú
		Trả bằng ngoại tệ (quy ra USD)	Trả bằng đồng Việt Nam	
Tổng số				

Tổng Giám đốc (Giám đốc)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 21/VBHN-NHNN

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2014

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Nơi nhận:

- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Website NHNN;
- Lưu VP, PC3, Vụ QLNH.

Đặng Thanh Bình

¹⁴ Phụ lục này được sửa đổi theo quy định tại Điều 2 của Quyết định số 878/2002/QĐ-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Thông tư số 02/2000/TT-NHNN7 ngày 24/02/2000 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2002.